TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 108/2019/QĐST-HNGĐ	*TC, ngày 31 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 123/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: anh Lò Văn H, sinh năm 1990; nơi cư trú: bản CL, xã PT, huyện TC, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: chị Lò Thị Th, sinh năm 1992; nơi cư trú: bản CL, xã PT, huyện TC, tỉnh Sơn La.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị Thắm: ông Nguyễn Bá L, luật sư thuộc Trung tâm tư vấn pháp luật Tây Bắc – Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lò Văn C, sinh năm 1992; ông Lò Văn H, sinh năm 1966; bà Lò Thị C, sinh năm 1967; Cùng cư trú tại: bản CL, xã PT, huyện TC, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành 24 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lò Văn H và chị Lò Thị Th

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về con chung:

Giao cháu Lò Văn T, sinh ngày 05/5/2012 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu cháu Lò Thị I, sinh ngày 01/6/2009 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), không ai phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung .

Sau khi ly hôn chị Th có quyền thăm nom cháu T, anh H có quyền thăm nom cháu I, không ai có quyền cản trở anh H, chị Th thực hiện quyền này.

b) Về tài sản chung: chấm nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự như sau:, ông Lò Văn H, bà Lò Thị C, anh Lò Văn H, anh Lò Văn C nhận trách nhiệm liên đới trả cho chị Lò Thị Th giá trị công sức đóng góp trong việc xây dựng khối tài sản chung của gia đình nhà chồng với số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); phương thức trả 01 lần vào ngày 04/11/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

c) Về nợ chung: Các bên đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết

d) Về án phí: Anh Lò Văn H nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng), án phí chia tài sản chung là 625.000 đồng (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), tổng cộng là 775.000 đồng (bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La theo biên lai số: AA/2016/0002661, ngày 26 tháng 8 năm 2019 là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Anh H còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 475.000 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Chị Th Lò Văn H nhận chịu án phí chia tài sản chung là 625.000 đồng (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự (03 bản);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp (2 bản);
- UBND xã PT, h. TC;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Tòa án (2).

THẨM PHÁN

Lê Thị Chiến